

MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 - THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

LÊ TRỌNG AN*

Miễn trách nhiệm hình sự là việc không bắt buộc một người phải chịu trách nhiệm hình sự về tội mà họ đã thực hiện. Nhà nước không đặt ra trách nhiệm hình sự đối với người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội là tội phạm mà họ đã thực hiện. Thực tiễn việc áp dụng theo quy định tại Điều 364 Bộ luật Hình sự hiện hành chưa đồng bộ, thống nhất, các quy định pháp lý chưa rõ ràng, còn nhiều vướng mắc. Trong nghiên cứu này, tác giả phân tích cơ sở pháp lý, thực trạng áp dụng và đề xuất, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về trường hợp trên.

Từ khóa: Miễn trách nhiệm hình sự; đưa hối lộ; tội phạm; Bộ luật Hình sự; thực tiễn áp dụng. The State of Vietnam, in the context of exemption from criminal responsibility, refrains from imposing criminal responsibility on individuals whose harmful behavior constitutes a crime. However, the practical implementation of Article 364 of the current Criminal Code has been inconsistent and lacks uniformity, with legal provisions remaining vague and several obstacles persisting. This study takes a closer look at the legal basis and current implementation of these provisions and proposes recommendations to enhance the effectiveness of their application. Keywords: Exemption from criminal responsibility; crime; criminal code; current implementation.

NGÀY NHẬN: 09/4/2024

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 11/5/2024

NGÀY DUYỆT: 17/6/2024

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.341.2024.880>

1. Miễn trách nhiệm hình sự

Thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm cho thấy, không phải trường hợp nào thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội là tội phạm đều phải chịu trách nhiệm hình sự. Có những trường hợp xét thấy không cần thiết phải áp dụng những hậu quả pháp lý bất lợi đối với hành vi phạm tội mà họ đã gây ra cho xã hội, nhưng vẫn đáp ứng được yêu cầu trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và răn đe, giáo

dục người phạm tội, khuyến khích họ lập công chuộc tội, hòa nhập cộng đồng, trở thành người có ích cho xã hội. Điều này thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật hình sự Việt Nam trong tiến trình cải cách tư pháp hình sự.

Từ việc nghiên cứu chế định và thực tiễn áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự cho thấy đặc điểm chung của việc miễn

* ThS, Học viện Cảnh sát nhân dân

trách nhiệm hình sự không cần thiết phải truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, được coi là tội phạm khi có nhiều tình tiết làm cho tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi được giảm đi mà vẫn đáp ứng được yêu cầu của đấu tranh phòng, chống tội phạm. Trên cơ sở đó, tác giả tổng hợp khái niệm như sau: “*Miễn trách nhiệm hình sự là Nhà nước không buộc một người phải chịu trách nhiệm hình sự về tội mà họ đã thực hiện khi họ có đủ những điều kiện nhất định hoặc có những hành vi của người phạm tội làm cho tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm giảm đi, nhưng vẫn đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm và giáo dục được người phạm tội có ý thức tuân thủ pháp luật các quy tắc của cuộc sống*”.

2. Cơ sở pháp lý về miễn trách nhiệm hình sự đối với hành vi đưa hối lộ

Trong lần pháp điển hóa *Bộ luật Hình sự* đầu tiên, chính sách “khoan hồng và nghiêm trị” đã được *Bộ luật Hình sự* ghi nhận nhằm phân hóa tội phạm và người phạm tội tại Điều 227 *Bộ luật Hình sự* năm 1985 (sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 1 *Luật Hình sự* năm 1997) “... Người bị ép buộc đưa hối lộ...; Người đưa hối lộ tuy không bị ép buộc nhưng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác...”. Đến lần pháp điển hóa lần thứ hai *Bộ luật Hình sự* năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) tại khoản 6 Điều 289. Đến nay, *Bộ luật Hình sự* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tại khoản 7 Điều 364: người bị ép buộc đưa hối lộ mà chủ động khai báo trước khi bị phát giác thì được coi là không có tội và được trả lại toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ; người đưa hối lộ tuy không bị ép buộc nhưng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự và được trả lại một phần hoặc toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ. Điểm chung ở đây là về cơ bản cả 3 *Bộ luật* đều quy định trường hợp

đương nhiên được miễn (không có tội) hoặc có thể được miễn trách nhiệm hình sự.

Về thuật ngữ “trước khi bị phát giác”, đây là khái niệm nhằm miêu tả thời điểm khai báo của người đưa hối lộ để đáp ứng điều kiện miễn trách nhiệm hình sự được hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao “... chưa bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện, chưa bị ai tố giác nhưng người đưa hối lộ, người môi giới hối lộ đã tự khai báo toàn bộ sự việc đưa hối lộ, môi giới hối lộ mà mình thực hiện”¹. Như vậy, là người đưa hối lộ chưa bị phát giác đã tự nguyện khai báo về hành vi đưa hối lộ đã thực hiện. Ngược lại thời điểm bị phát giác là thời điểm cơ quan có thẩm quyền phát hiện hoặc chưa có người tố giác thì không thỏa mãn điều kiện xem xét miễn trách nhiệm hình sự.

3. Thực tiễn áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 7 Điều 364 *Bộ luật Hình sự* năm 2015

Thứ nhất, đối với hành vi “ép buộc đưa hối lộ”, đến nay, các cơ quan chuyên ngành chưa có văn bản hướng dẫn, từ thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm có thể hiểu trường hợp ép buộc đưa hối lộ xét về bản chất là hành vi bằng các thủ đoạn khác nhau đe dọa, sách nhiễu, về mặt tinh thần đối với người khác để đòi hối lộ. Người bị ép buộc đưa hối lộ vì không muốn các quyền và lợi ích của mình bị thiệt hại hơn hoặc vì nhiều lý do khác nhau, mặc dù nhận thức được hành vi đưa hối lộ của mình là sai, trái pháp luật nhưng vẫn phải đưa hối lộ. Trường hợp “không bị ép buộc đưa hối lộ” là việc người có hành vi đưa hối lộ chủ động đề nghị người có chức vụ, quyền hạn làm hoặc không làm một việc theo yêu cầu của người đưa hối lộ. Do đó, người đưa hối lộ đã đưa tiền, tài sản, lợi ích vật chất hoặc phi vật chất khác cho người có chức vụ, quyền hạn hoặc người, tổ chức khác hoặc qua trung gian.

Thực tiễn hoạt động áp dụng pháp luật các cơ quan tiến hành tố tụng chỉ cần chứng minh được hành vi “bị ép buộc” của người đưa hối lộ và hành vi “khai báo trước khi bị phát giác” để miễn trách nhiệm hình sự cho người đưa hối lộ.

Thứ hai, đối với trường hợp không bị ép buộc khi đưa hối lộ nhưng người đưa hối lộ cũng đã chủ động khai báo trước khi hành vi bị phát giác thì người đưa hối lộ “có thể được miễn trách nhiệm hình sự và được trả lại một phần hoặc toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ”. Thuật ngữ “có thể” trong trường hợp này là một cụm từ “định tính, tùy nghi” điều này gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng không dám áp dụng hoặc áp dụng không đúng, lạm dụng áp dụng tràn lan.

Từ thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử đối với các vụ án hình sự các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự đã vận dụng quy định của pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự, tuy nhiên vẫn đang còn nhiều quan điểm trái chiều hoặc có những trường hợp áp dụng nhưng chưa thống nhất, đồng bộ trong các quyết định, hành vi tố tụng của các cơ quan áp dụng pháp luật, điển hình như:

Vụ án đánh bạc qua mạng internet: “Quá trình điều tra, Nguyễn Văn Dương đã tự thú về hành vi cho Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm công nghệ cao 700 triệu đồng, 01 bộ phần mềm diệt vi rút trị giá 30.000 USD... Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 29; đoạn 2 khoản 7 Điều 364 *Bộ luật Hình sự* năm 2015, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã ra quyết định đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự cho Nguyễn Văn Dương về tội Đưa hối lộ là phù hợp”².

Vụ án buôn lậu xăng, dầu: “trong bản kết luận điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: khoảng từ ngày 27/01 - 29/01/2021, các bị can Nguyễn Hữu Tú và Trần Ngọc Thanh đã có hành vi đưa hối lộ cho bị can Ngô Văn Thụy số tiền 10.000 USD và 1 thẻ ATM mang tên Nguyễn

Hữu Tú, trong tài khoản có số dư 100 triệu đồng; Phan Thanh Hữu đưa hối lộ cho Nguyễn Văn Thụy 500 triệu đồng. Ngày 20/01/2022, cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai áp dụng điểm c khoản 2 Điều 29, khoản 7 Điều 364 *Bộ luật Hình sự* ra các quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự, miễn trách nhiệm hình sự đối với Phan Thanh Hữu, Nguyễn Hữu Tú và Trần Ngọc Thanh về tội “Đưa hối lộ”; đồng thời trả lại 1 phần tiền đưa hối lộ cho bị can Hữu số tiền 250 triệu đồng, bị can Tú số tiền 158 triệu đồng là có căn cứ và đúng pháp luật”³.

Vụ án xảy ra tại Vạn Thịnh Phát, bà Trương Mỹ Lan chỉ đạo ông Võ Tấn Hoàng Văn trực tiếp đưa cho bà Nhân 5,2 triệu USD và đưa tiền, quà bồi dưỡng cho các thành viên trong Đoàn thanh tra. Tuy nhiên, Võ Tấn Hoàng Văn tố giác hành vi của Đỗ Thị Nhân (từ trước khi khởi tố vụ án hình sự). Võ Tấn Hoàng Văn cũng hợp tác tích cực với Cơ quan điều tra trong quá trình điều tra, làm rõ vụ án và “Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 29, khoản 7 Điều 364 *Bộ luật Hình sự* năm 2015, không xem xét trách nhiệm hình sự với Võ Tấn Hoàng Văn về tội Đưa hối lộ”, cáo trạng nêu”⁴.

Qua các vụ án trên, cho thấy cơ quan tiến hành tố tụng đều chứng minh “điểm c khoản 2 Điều 29 *Bộ luật Hình sự* năm 2015” làm căn cứ để miễn trách nhiệm hình sự cho các bị can, bị cáo. Dưới góc độ pháp lý, tác giả cho rằng quyết định miễn trách nhiệm hình sự đối với hành vi đưa hối lộ nói chung và miễn trách nhiệm hình sự trong tình huống cụ thể nêu trên thì cơ quan tiến hành tố tụng không cần phải dựa vào căn cứ được quy định tại “điểm c khoản 2 Điều 29 *Bộ luật Hình sự* năm 2015” như đã viện dẫn, mà chỉ cần dựa vào quy định tại “đoạn 2 khoản 7 Điều 364 *Bộ luật Hình sự* năm 2015” và các tình tiết có trong hồ sơ vụ án làm căn cứ miễn trách nhiệm hình sự cho các bị can, bị cáo.

Nếu trong các vụ án đưa hối lộ, cơ quan tiến hành tố tụng hình sự ngoài việc chứng minh các tình tiết tại “khoản 7 Điều 364 *Bộ*

luật Hình sự năm 2015”, đồng thời phải chứng minh thêm tình tiết tại điểm c khoản 2 Điều 29 Bộ luật Hình sự năm 2015 làm căn cứ cho người phạm tội miễn trách nhiệm hình sự, tuy nhiên, điều này không chính xác và không phù hợp với chính sách hình sự về miễn trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Mặc dù chưa có văn bản hướng dẫn “điểm c khoản 2 Điều 29”. Tuy nhiên, để hiểu, để được miễn trách nhiệm hình sự thì người phạm tội phải đáp ứng được các điều kiện hành vi phạm tội chưa bị phát giác, người phạm tội đã tự thú khai rõ hành vi phạm tội của mình và của đồng phạm, người phạm tội cố gắng hạn chế mức thấp nhất hậu quả của tội phạm và phải lập công lớn hoặc có cống hiến đặc biệt, được Nhà nước và xã hội thừa nhận: “trường hợp người bị kết án đã có hành động giúp cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện, truy bắt, điều tra tội phạm; cứu được người khác trong tình thế hiểm nghèo hoặc đã cứu được tài sản của nhà nước, của tập thể, của công dân trong thiên tai, hỏa hoạn; có những phát minh, sáng chế hoặc sáng kiến có giá trị hoặc thành tích xuất sắc đột xuất khác được các cơ quan có thẩm quyền xác nhận”⁵. Chính việc các cơ quan tiến hành tố tụng trong các vụ án đưa hối lộ, nếu ngoài việc chứng minh đoạn 2 khoản 7 Điều 364 đồng thời phải chứng minh điểm c khoản 2 Điều 29 Bộ luật Hình sự mới miễn trách nhiệm hình sự cho người đưa hối lộ mặc dù người đưa hối lộ đã thỏa mãn các quy định tại đoạn 2 khoản 7 Điều 364 là chưa chính xác.

Thứ ba, trong đoạn 2 khoản 7 Điều 364 Bộ luật Hình sự năm 2015, cụm từ “có thể được miễn trách nhiệm hình sự và được trả lại một phần hoặc toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ”, quy định này sẽ có nhiều vướng mắc trong thực tiễn áp dụng và cách áp dụng ở mỗi cơ quan tố tụng sẽ có sự khác nhau không thống nhất và đồng bộ quy định định

tính. Vậy, khi áp dụng pháp luật miễn trách nhiệm hình sự đối với người đưa hối lộ, các cơ quan tiến hành tố tụng, ngoài việc chứng minh việc khai báo trước khi hành vi bị phát giác của người đưa hối lộ, còn phải chứng minh các tình tiết khác thuộc về nhân thân của người đưa hối lộ, như: thành khẩn khai báo đầy đủ về hành vi phạm tội của mình và những người đồng phạm khác (nếu có), không dấu diếm các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội đưa hối lộ, cung cấp tài liệu chứng cứ giúp cơ quan tiến hành tố tụng chứng minh vụ án. Việc trả lại tài sản cho người đưa hối lộ cơ quan tiến hành tố tụng nên cân nhắc của đưa hối lộ là tài sản hợp pháp hay là tài sản do người đưa hối lộ có được từ các hành vi phạm pháp...

Thứ tư, đối với trường hợp miễn trách nhiệm hình sự về hành vi đưa hối lộ có cần phải khởi tố vụ án hình sự và khởi tố bị can; ban hành quyết định miễn trách nhiệm hình sự hay không cần khởi tố vụ án hình sự và khởi tố bị can? Về vấn đề này, nhiều học giả đã có ý kiến khác nhau: (1) Ý kiến thứ nhất cho rằng, nếu người phạm tội đủ điều kiện quy định tại đoạn 2 khoản 7 Điều 364, cơ quan tiến hành tố tụng phải ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can, tiến hành một số hoạt động điều tra, rồi mới ban hành quyết định đình chỉ vụ án hình sự, đình chỉ điều tra bị can, từ đó mới căn cứ miễn trách nhiệm hình sự và trả lại một phần hay toàn bộ của đã đưa hối lộ; (2) Ý kiến thứ hai trái ngược với ý kiến thứ nhất khi có đủ căn cứ quy định tại đoạn 2 khoản 7 Điều 364, không cần phải khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can, cơ quan điều tra vẫn ban hành quyết định miễn trách nhiệm hình sự; (3) Ý kiến thứ ba cho rằng không phải cứ có đủ căn cứ trên thì người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự mà tùy vào từng vụ án cụ thể, đồng thời căn cứ vào nhiều tình tiết khác như tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân người phạm tội, tính chất mức độ nguy hiểm của của hành vi đưa hối lộ.

Với 3 ý kiến nêu trên, tác giả có cùng quan điểm một phần với “ý kiến thứ nhất và ý kiến thứ ba”. Tuy nhiên, theo ở bất kỳ giai đoạn tố tụng nào, xét thấy có đủ căn cứ đoạn 2 khoản 7 Điều 364 *Bộ luật Hình sự* năm 2015, cơ quan tiến hành tố tụng đều được ban hành quyết định miễn trách nhiệm hình sự. Đặc biệt, để ban hành quyết định miễn trách nhiệm hình sự tại đoạn 2 khoản 7 Điều 364 *Bộ luật Hình sự* năm 2015, cơ quan điều tra cần phải khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can. Đối với vụ án đưa hối lộ để đúng pháp luật thì các cơ quan tiến hành tố tụng bắt buộc phải khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và tiến hành các hoạt động điều tra khi trước khi ban hành các quyết định miễn trách nhiệm hình sự nhưng đồng thời, các cơ quan tiến hành tố tụng cũng cần chú ý về nhân thân người phạm tội, các tình tiết khác trong hồ sơ để áp dụng linh hoạt và chính xác, tránh trường hợp lạm dụng áp dụng một cách tràn lan, tùy tiện.

4. Những kiến nghị, đề xuất

Một là, Chính phủ giao cho các cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu xây dựng thông tư liên ngành, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ban hành nghị quyết hướng dẫn áp dụng quy định của pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 7 Điều 364 *Bộ luật Hình sự* năm 2015 để bảo đảm đồng bộ, thống nhất, đúng quy định, tránh áp dụng tràn lan, tùy tiện hay nguyên tắc, cứng nhắc trong quá trình vận dụng.

Hai là, các cơ quan có tiến hành tố tụng cần tổ chức tập huấn chuyên sâu quy định miễn trách nhiệm hình sự tại khoản 7 Điều 364 *Bộ luật Hình sự* năm 2015.

Ba là, các cơ quan có tiến hành tố tụng cần tổng kết rút kinh nghiệm hàng năm trong áp dụng quy định pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 7 Điều 364 *Bộ luật Hình sự* năm 2015. Ban hành văn bản về thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự.

Bốn là, các cơ quan chuyên môn cần giải thích các khái niệm, xây dựng các tiêu chí đánh giá căn cứ miễn trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 7 Điều 364 *Bộ luật Hình sự* năm 2015, để áp dụng một cách thống nhất, đồng bộ bảo đảm tính khách quan, đúng đối tượng, đúng mục đích.

Năm là, để ban hành văn bản pháp luật quyết định miễn trách nhiệm hình sự về hành vi đưa hối lộ vụ án phải được khởi tố để điều tra nhằm bảo đảm đúng quy định của pháp luật hình sự về nguyên tắc mọi hành vi phạm tội do người thực hiện phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật.

Sáu là, cần phải quy định rõ hơn về hậu quả pháp lý đối với người được miễn trách nhiệm hình sự về hành vi đưa hối lộ. Người được miễn trách nhiệm hình sự thì đương nhiên được miễn hình phạt, miễn các biện pháp tư pháp và không để lại án tích □

Chú thích:

1. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao (2020). *Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ*

2. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ (2018). *Bản án số: 55/2018/HS-ST ngày 30/11/2018 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2018/TLST-HS ngày 31/8/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 28/2018/QĐXXST-HS ngày 29/10/2018.*

3. Tân Châu (2022). *Đường dây buôn lậu 204 triệu lít xăng vì sao không xử lý hình sự tội đưa hối lộ?* <https://tienphong.vn>, ngày 18/7/2022.

4. Bùi Trang (2023). *Một cá nhân được miễn trách nhiệm hình sự tội đưa hối lộ Vạn Thịnh Phát.* <https://plo.vn>, ngày 20/12/2023.

5. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. *Nghị quyết số 02/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010; Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/01/2013 và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018.*